**Phụ lục II**

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

*(Kèm theo Quyết định số: ... /2024/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

| **TT** | **LOÀI CÂY TRỒNG** | **ĐVT** | **ĐƠN GIÁ** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **CÂY RỪNG TRỒNG** |  |  |
| **A** | Cây giống ươm bầu chưa đủ tiêu chuẩn xuất vườn nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển |  |  |
| **B** | **Bồi thường theo giá trị đầu tư** |  |  |
| **1** | **Cây lấy gỗ thuộc Nhóm quý hiếm, nhóm I (Bách xanh, Gù hương, Lát hoa, Lim xanh, Muồng đen, Sưa...)** |  |  |
|  | Năm 1 | đồng/cây | 70.000 |
|  | Năm 2 | đồng/cây | 91.000 |
|  | Năm 3 | đồng/cây | 109.000 |
|  | Từ năm thứ 4 trở đi | đồng/cây | 123.000 |
| **2** | **Cây lấy gỗ thuộc Nhóm II, nhóm III (Thông ba lá, Thông đuôi ngựa, Thông nhựa, Giổi xanh, Long não, Tếch, Xoan đào...)** |  |  |
|  | Năm 1 | đồng/cây | 42.000 |
|  | Năm 2 | đồng/cây | 58.000 |
|  | Năm 3 | đồng/cây | 73.000 |
|  | Từ năm thứ 4 trở đi | đồng/cây | 84.000 |
| **3** | **Cây lấy lỗ thuộc từ Nhóm IV trở lên (Các loài Bạch đàn, Các loài Keo, Bồ đề, Hông, Mỡ, Re gừng, Sa mộc, Sấu, Tống quá sủ, Trám đen, Trám trắng, Trẩu, Vối thuốc, Xoan ta,...)** |  |  |
|  | Năm 1 | đồng/cây | 38.000 |
|  | Năm 2 | đồng/cây | 53.000 |
|  | Năm 3 | đồng/cây | 68.000 |
|  | Từ năm thứ 4 trở đi | đồng/cây | 78.000 |
| **C** | **Bồi thường theo giá trị cây gỗ** |  |  |
|  | *- Đối với cây gỗ có chu vi (vanh) ở vị trí 1,3m của cây tính từ gốc (sát mặt đất) ≥ 19cm (0,19m) thì bồi thường theo giá trị gỗ cây đứng thực tế tại thời điểm bồi thường. Trường hợp giá trị gỗ cây đứng nhỏ hơn giá trị đầu tư thì bồi thường theo giá trị đầu tư.*  *­­­­­­­­­­­­- Giá trị gỗ cây đứng = Khối lượng gỗ cây đứng x Giá gỗ thị trường tương ứng tại thời điểm bồi thường.*  *- Khối lượng gỗ cây đứng (m3) = Chu vi (m) x Chu vi (m) x Chiều cao vút ngọn (m) x 0,0398. Trong đó:*  *+ Chu vi: Được đo tại vị trí 1,3m của cây.*  *+ Chiều cao vút ngọn: Là chiều dài toàn cây đo từ gốc đến ngọn.* | | |
| **II** | **CÂY RỪNG TỰ NHIÊN** |  |  |
|  | *- Giá trị bồi thường được tính bằng giá rừng tự nhiên;*  *- Phương pháp định giá rừng tự nhiên thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng và Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).* | | |